

# CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CƠ KHÍ HÙNG TRỌNG

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CƠ KHÍ HÙNG TRỌNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG TRONG MECHANICAL TRADING PRODUCTION SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HUNG TRONG CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2300971020

3. Ngày thành lập: 04/01/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu phố Đa Hội , Phường Châu Khê, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0913 004 538

Fax:

Email: Hungtrongdh@gmail.com

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                        | 2410     |
| 2.  | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý                                                                                                                                                                           | 2420     |
| 3.  | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                   | 2431     |
| 4.  | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                                                                | 2432     |
| 5.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết: Gia công kết cấu nhà xưởng                                                                                                                                          | 2511     |
| 6.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                      | 2512     |
| 7.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                | 2591     |
| 8.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                    | 2592     |
| 9.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 2599     |
| 10. | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Chế tạo các loại máy móc, thiết bị sản xuất công nghiệp                                                                                                              | 2829     |
| 11. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Lắp ráp máy cơ khí và cầu trục                                                                                                                             | 3320     |
| 12. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                            | 2013     |
| 13. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                    | 2220     |
| 14. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                            | 3290     |
| 15. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                | 3830     |
| 16. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                             | 4390     |

|     |                                                                                                                                                                               |                                                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                               | 4659                                                         |
| 18. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, gang                                                                                                     | 4662                                                         |
| 19. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                       | 4663                                                         |
| 20. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; bán buôn que hàn                                           | 4669                                                         |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                          | 4752                                                         |
| 22. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                            | 4652                                                         |
| 23. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                    | 5224                                                         |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                | 4933                                                         |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                           | 5229                                                         |
| 26. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế máy móc thiết bị                                                                                    | 7110(Chính)                                                  |
| 27. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                        | 7710                                                         |
| 28. | Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 4.800.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: PHẠM VĂN HÙNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125502505

Ngày cấp: 24/05/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố Đa Hội, Phường Châu Khê, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu phố Đa Hội, Phường Châu Khê, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM VĂN HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125502505

Ngày cấp: 24/05/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố Đa Hội, Phường Châu Khê, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu phố Đa Hội, Phường Châu Khê, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh